TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/7/2023
V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nghĩa vụ chung về tài sản khi ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH AN – TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mã Hồng Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Giang

2. Bà Nguyễn Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Xuân Ký – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia phiên toà: Ông Đàm Hải Thao - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Triệu Thị T – sinh năm 1993, dân tộc Dao

Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

Chỗ ở: Xóm Nà Sèn, xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

(Có mặt)

- *Bị đơn:* Triệu Văn K – sinh năm 1993, dân tộc Dao

Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

(Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng Giao dịch huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

(Vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt)

2. Ông Triệu Văn L

Nơi cư trú: Xóm C, xã Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng

(Vắng mặt, có đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Triệu Thị T trình bày: chị T và anh K kết hôn ngày 20/3/2013, kết hôn tự nguyện, được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới ở hai bên gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Sau khi kết hôn chị T và anh K chung sống hòa thuận hạnh phúc, tuy nhiên đến tháng 8/2022 đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh K nghi ngờ chị T ngoại tình nên đã chửi bới xúc phạm danh dự nhân phẩm và đánh chị T nhiều lần. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, hai anh chị đã được gia đình, các tổ chức đoàn thể của xóm hòa giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được. Hai anh chị đã ly thân từ tháng 8/2022 cho đến nay. Từ khi ly thân hai anh chị không liên lạc, thăm nom, chăm sóc nhau cũng như không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Trong thời kỳ hôn nhân, chị T và anh K có 01 (một) con chung, con chung tên là Triệu Ngọc A – sinh ngày 04/8/20xx, giới tính: Nữ. Khi ly hôn chị T không yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con, chị sẽ cấp dưỡng cho con theo khả năng. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: khoản vay 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), vay năm 2018 tại Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạch An; trong đó hai anh chị cho ông Triệu Văn L vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Khi ly hôn, số tiền cho ông L vay ông L sẽ trả cho anh K để anh K trả nợ Ngân hàng. Khoản vay Ngân hàng chính sách hai anh chị sẽ cùng chịu trách nhiệm trả cho Ngân hàng.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 16/3/2023, anh Triệu Văn K khai: Anh K và chị T tổ chức cưới ngày 26/10/2011, hôn nhân trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng ngày 20/3/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ ngày 11/8/2022, nguyên nhân là do chị T đi làm công nhân có tình cảm với người đàn ông khác. Nếu chị T có quay lại anh K cũng không lấy chị T nữa nhưng chị T yêu cầu ly hôn anh không đồng ý. Anh K xác

nhận chị T và anh K có 01 (một) con chung, con chung tên là Triệu Ngọc A – sinh ngày 04/8/2013, giới tính: Nữ. Trường hợp ly hôn, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu chị T cấp dưỡng cho con 2.000.000đ/tháng. Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Về nợ, anh K xác nhận anh chị vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạch An 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), trong đó cho ông Triệu Văn L vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng), số tiền này khi ông L trả hai anh chị sẽ chia nhau, còn khoản vay của Ngân hàng, anh K và chị T mỗi người sẽ chịu trách nhiệm trả 12.500.000đ (Mười hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Triệu Văn L trình bày: Anh K là cháu gọi ông L là chú. Khi anh K và chị T vay tiền Ngân hàng ông L có vay lại 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Trường hợp anh K và chị T, ông L sẽ trả anh K số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), thời hạn trả ông L và anh K tự thỏa thuận.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam Phòng Giao dịch huyện Thạch An trình bày: Căn cứ Hợp đồng tín dụng (số sổ) số 7090656865 vay ngày 09/10/2018 số tiền 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng) của anh Triệu Văn K, địa chỉ: Khuổi Phùm, C, xã Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đến nay số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh. Đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Thạch An.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Chị đề nghị anh K trực tiếp nuôi dưỡng cháu Triệu Ngọc A, chị T sẽ cấp dưỡng cho con là 1.000.000đ/tháng/cháu. Về nợ chung: Hai anh chị cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng, đối với khoản tiền tiết kiệm hàng tháng chị không yêu cầu.

Anh Triệu Văn K cho rằng nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh K thừa nhận anh đã có hành vi bạo hành, đánh chị T tại nhà mẹ đẻ của chị T tại xã Minh Khai. Chị T đã trình báo chính quyền địa phương, Công an xã đã lập biên bản sự việc, anh K cũng đã cam kết không thực hiện hành vi đánh chị T. Anh không đồng ý ly hôn là do chị T khai báo không thành thật, đổ lỗi cho anh trong việc dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn. Về nợ chung: Xác nhận là khoản nợ chung của anh K và chị T, hai anh chị sẽ cùng chịu trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An tham gia tố tụng tại phiên tòa nhận định: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định tại điều 48, 195,196, 198, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Xác định tư cách tố tụng, giao nhận văn bản tố tụng, hồ sơ vụ án thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay

những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, được quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 21, 51, 56, 81, 82, 83, 116 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, 35, 39, 235, 241 Bộ luật tố tụng dân sự để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Căn cứ vào nguyện vọng, quá trình chăm sóc, và xem xét khả năng tài chính, chỗ ở và các điều kiện khác để đảm bảo cuộc sống và sự phát triển tốt nhất cho cháu Triệu Ngọc A, nhận thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con của anh Triệu Văn K là có căn cứ nên cần được chấp nhận, chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật. Về nợ: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 27, 37 Luật Hôn nhân gia đình buộc chị T và anh K phải liên đới chịu trách nhiệm trả nợ gốc 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách theo Hợp đồng đã ký.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nội dung vụ án là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Anh Triệu Văn K đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã Đ, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, Tòa án nhân dân huyện Thạch An thụ lý vụ án là phù hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Theo Giấy chứng nhận kết hôn chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn K đăng ký kết hôn ngày 20/3/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Hai anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm, phù hợp theo quy định về điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000. Như vậy, quan hệ giữa chị T và anh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi kết hôn chị T và anh K chung sống hòa thuận hạnh phúc nhưng đã phát sinh mâu thuẫn từ tháng 8/2022. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị T là do anh K nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình rồi chửi bới, đánh đập chị T dẫn đến tình cảm vợ chồng sứt mẻ. Anh K cũng khai vợ

chồng nảy sinh mâu thuẫn từ ngày 11/8/2022, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác trong thời gian chị T đi làm công nhân.

Tại phiên tòa, hai đương sự cùng thừa nhận anh K đã có hành vi bạo hành chị T tại nhà mẹ đẻ của chị T tại xã Minh Khai, huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Sự việc đã được Công an xã lập biên bản sự việc. Đây là tình tiết không phải chứng minh.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù chị T và anh K có lời khai khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn nhưng hai anh chị cùng thừa nhận hôn nhân không còn hạnh phúc, đã nảy sinh mâu thuẫn. Thậm chí, anh K đã có hành vi bạo hành, xâm phạm đến sức khỏe của chị T. Anh K đã có hành vi vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Hôn nhân đã lâm vào tình trạng nghiêm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1, 3 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[3] Về con chung: Chị T và anh K có 01 (một) con chung, con chung tên là Triệu Ngọc A – sinh ngày 04/8/2013, giới tính: Nữ. Khi ly hôn chị T và anh K cùng thống nhất giao con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng.

Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của con chưa thành niên theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, cháu Triệu Ngọc A có nguyện vọng được sinh sống cùng với bố, được bố trực tiếp nuôi dưỡng. Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương. Hiện nay cháu Triệu Ngọc A đang học tại Phân trường Khuổi Phủm, thuộc trường Tiểu học Đ, anh K đã có nhà riêng, có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Xét điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng con, quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử nhận thấy việc giao cháu Triệu Ngọc A cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của cháu nên cần được chấp nhận.

Về cấp dưỡng cho con: Tại phiên tòa, chị T đề nghị cấp dưỡng cho con là 1.000.000đ/tháng. Anh K yêu cầu chị T cấp dưỡng là 2.000.000đ/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay chị T làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có hợp đồng lao động, không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh mức thu nhập nên Hội đồng xét xử căn cứ mức thu nhập theo lao động phổ thông tại địa phương và mức lương cơ sở để xác định mức cấp dưỡng. Từ đó xác định mức cấp dưỡng anh K đề nghị cao so với thu nhập thực tế của chị T.

[4] Về tài sản chung: Tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng (số sổ) số 7090656865 ngày 09/10/2018, anh Triệu Văn K và chị Triệu Thị T vay số tiền 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng), đến nay số tiền nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh. Thời hạn vay: 05 năm, lãi suất 6,6%/năm, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, hạn trả nợ cuối: 09/10/2023. Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án chị T và anh K cùng xác nhận đây là khoản nợ chung của anh chị. Sau khi vay được tiền anh chị đã sử dụng chi tiêu cho gia đình và cho ông Triệu Văn L vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Hai anh chị cùng xác nhận có trách nhiệm đối với khoản vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Thạch An. Khoản vay hiện nay chưa đến hạn trả nợ, vì vậy cần buộc hai anh chị cùng liên đới trả nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thạch An theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Đối với số tiền hai anh chị cho ông Triệu Văn L vay, hai anh chị và ông L cùng thống nhất ông L sẽ trả số tiền này cho anh K, sau khi ông L trả tiền anh K và chị T sẽ chia nhau, thời hạn thanh toán do các bên tự thỏa thuận.

[5] Về án phí: Chị Triệu Thị T và anh Triệu Văn K có đề nghị được miễn án phí. Hội đồng xét xử nhận thấy hai anh chị là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ, nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị T đối với anh Triệu Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Ngọc A – sinh ngày 04/8/2013, giới tính: Nữ cho anh Triệu Văn K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con thành niên.

Về cấp dưỡng cho con: chị Triệu Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mức cấp dưỡng 1.200.000đ/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ thời điểm xét xử (tháng 7/2023) đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Nghĩa vụ chung về tài sản:

Anh Triệu Văn K và chị Triệu Thị T phải liên đới thực hiện Hợp đồng tín dụng (số sổ) số 7090656865 ngày 09/10/2018 với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Hai anh chị phải liên đới trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam nợ gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và lãi phát sinh.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự Triệu Thị T, Triệu Văn K, Triệu Văn L: Ông Triệu Văn L có nghĩa vụ trả cho anh Triệu Văn K số tiền vay 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi ông L trả tiền, anh K và chị T tự chia nhau, thời hạn trả các bên tự thỏa thuận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Đối với khoản vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam lãi suất được áp dụng theo lãi suất do các bên thỏa thuận tại Hợp đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự. Hoàn trả cho chị Triệu Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Triệu Thị T đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001012 ngày 28/02/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND H.Thạch An;
- Tòa án ND tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS H. Thạch An;
- UBND xã M;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Mã Hồng Nhung